

Số: 32/2026/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 09 tháng 9 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức
khoán chi trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ
chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của
Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5
năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong
xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 7298/TTr-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Lai Châu về đề nghị ban hành Nghị quyết quy định tổng mức
chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây
dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm
tra số 742/BC-HĐND ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách
Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi; danh
mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi trong công tác xây dựng văn
bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động
và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng
văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu gồm: Nghị quyết của
Hội đồng nhân dân tỉnh; Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định của

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã; Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Tổng mức chi; danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật

1. Tổng mức chi đối với ban hành mới hoặc ban hành văn bản thay thế văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh cụ thể như sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; thực hiện thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương: 150.000.000 đồng/văn bản.

b) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên: 100.000.000 đồng/văn bản.

c) Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: 50.000.000 đồng/văn bản.

d) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 30.000.000 đồng/văn bản.

đ) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã: 10.000.000 đồng/văn bản.

e) Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã: 8.000.000 đồng/văn bản.

2. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng mức chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng 100% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này; bằng 100% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng mức chi bằng 30% tổng mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

5. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định; cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này để ban hành quy định, quy chế áp dụng tại cơ quan, đơn vị mình bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không vượt tổng mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động được giao quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh toán, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng mức chi quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Trường hợp một nội dung, nhiệm vụ, hoạt động, sản phẩm đồng thời được thanh toán theo quy định tại các văn bản khác nhau của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan, đơn vị, cá nhân được thanh toán theo quy định tại văn bản có quy định mức chi cao nhất.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

3. Đối với các văn bản quy phạm pháp luật đã được ban hành trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa thanh toán thì việc chi trả, thanh toán, quyết toán thực hiện theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XVI, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 09 tháng 9 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lê Minh Ngân